

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU<sup>(1)</sup>**  
(Ngày 11 tháng 12 năm 2024)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thị Quỳnh Liên. Ngày tháng năm sinh: 17/04/1986
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non Hòa Nghĩa
- Nơi thường trú: Tổ 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031186012684 ngày cấp 29/04/2021; nơi cấp: Cục CS QL hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Tuấn Thắng; Ngày tháng năm sinh: 15/09/1981
- Nghề nghiệp: Bộ đội
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Đoàn đo đạc biên vẽ hải đồ và nghiên cứu biển.
- Nơi thường trú: Tổ 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 030081002254 ngày cấp: 10/11/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát Hải Phòng

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Phạm Tuấn Đức Hải; Ngày tháng năm sinh: 20/01/2010
- Nơi thường trú: Tổ 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031210012238 ngày cấp: 24/07/2024; nơi cấp: Bộ công an

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Phạm Bảo An; Ngày tháng năm sinh: 28/10/2016
- Nơi thường trú: Tổ 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031316011366 ngày cấp: 29/08/2024; nơi cấp: Bộ công an

## II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Tổ 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 143m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 715.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: BU 495976; Cơ quan cấp: UBND quận Dương Kinh; Cấp ngày 16/6/2015. Người sử dụng đất: Phạm Tuấn Thắng, Lê Thị Quỳnh Liên

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Không có

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có

1.2.1. Thừa thừa nhất: Không có

1.2.2. Thừa thừa 2 (trở lên): Không có.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thừa thừa nhất: (Địa chỉ tại: Tổ dân phố số 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng)

- Địa chỉ: Tổ 10, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, Hải Phòng

- Loại nhà: Nhà riêng lẻ.

- Diện tích sử dụng: 100m<sup>2</sup>

- Giá trị: 400.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có

- Thông tin khác (nếu có): Không có

2.1.2. Nhà thừa thừa 2 (trở lên): Không có

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không có

2.2.1. Công trình thừa thừa nhất: Không có

2.2.2. Công trình thừa thừa 2 (trở lên): Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không có

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không có

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không có



- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không có
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không có
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có
- 6.1. Cổ phiếu: Không có
- 6.2. Trái phiếu: Không có
- 6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: Không có
- Hình thức góp vốn: Không có; Giá trị: Không có
  - Hình thức góp vốn: Không có; Giá trị: Không có
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: Không có
- Tên giấy tờ có giá: Không có; Giá trị: Không có
  - Tên giấy tờ có giá: Không có; Giá trị: Không có
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:
- Tên tài sản: xe SH mode; Số đăng ký: 15AL02197; Giá trị: 63.975.000đ
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không có
- Tên tài sản: Không có; Năm bắt đầu sở hữu: Không có; Giá trị: Không có
  - Tên tài sản: Không có; Năm bắt đầu sở hữu: Không có; Giá trị: Không có
8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không có
9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 686.398.432đ
- Tổng thu nhập của người kê khai: 293.197.592đ
  - Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 393.200.840đ
  - Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có
  - Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

Người nhận:



Người kê khai:





### III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>

Không có biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			

Người nhận:



Trang 4

Người kê khai:



6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .		686.398.432đ	- Thu nhập của vợ: 293.197.592đ  - Thu nhập của chồng: 393.200.840đ

Hòa Nghĩa, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

*Đinh Thị Thảo*

**Đinh Thị Thảo**

Hòa Nghĩa, ngày 11 tháng 12 năm 2024.

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

*Lê Thị Quỳnh Liên*

**Lê Thị Quỳnh Liên**